

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88 /QĐ-PTI

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô
rủi ro chuyên biệt 02

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
- Quyết định số 60/2023/QĐ-PTI-HĐQT ngày 25/7/2023 của Chủ tịch HĐQT về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban lãnh đạo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
- Quyết định số 63/2024/QĐ-PTI-HĐQT ngày 24/9/2024 về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Lãnh đạo Tổ chức quản trị/Ban Tổng Giám đốc (EXCO) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện;
- Quyết định số 871/2023/QĐ-PTI ngày 20/11/2023 về việc ủy quyền cho Giám đốc quản trị hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm;
- Theo đề nghị của Ban Nghiệp vụ Bảo hiểm Xe cơ giới – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô rủi ro chuyên biệt 02**” của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 /07/2025.

Điều 3. Ban Tổng Giám đốc, Ban lãnh đạo quản trị chiến lược (EXCO), Giám đốc các bộ phận tại Trụ sở chính, Giám đốc các Công ty thành viên và các đơn vị kinh doanh, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT (để báo cáo);
- Lưu: VT, NVXCG.

TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG

NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM



Lưu Phương Lan



**QUY TẮC BẢO HIỂM
THIỆT HẠI VẬT CHẤT XE Ô TÔ
RỦI RO CHUYÊN BIỆT 02**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **88/QĐ-PTI** ngày **09/07/2025**
của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện)

LƯU Ý QUAN TRỌNG

1. **Khách hàng vui lòng đọc kỹ** điều kiện, điều khoản trong **Quy tắc bảo hiểm** trước khi tham gia bảo hiểm;
2. Khi xảy ra **sự kiện bảo hiểm**, khách hàng **cần thông báo ngay** cho PTI theo số điện thoại **1900545475** để được PTI hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm của quý khách.



Handwritten signature and initials in blue ink.

MỤC LỤC QUY TẮC

PHẦN A. ĐIỀU KIỆN CHUNG	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
Điều 2. Đối tượng bảo hiểm.....	4
Điều 3. Hợp đồng bảo hiểm.....	4
Điều 4. Thời hạn bảo hiểm.....	5
Điều 5. Chuyển quyền sở hữu.....	5
Điều 6. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.....	5
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm.....	6
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp bảo hiểm.....	8
Điều 9. Giám định tổn thất.....	10
Điều 10. Hồ sơ bồi thường.....	10
Điều 11. Bảo hiểm trùng.....	11
Điều 12. Giảm trừ bồi thường.....	12
Điều 13. Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, khiếu nại, thời hiệu khởi kiện và giải quyết tranh chấp.....	13
PHẦN B. ĐIỀU KIỆN CHI TIẾT	14
Điều 14. Phạm vi bảo hiểm.....	14
Điều 15. Loại trừ bảo hiểm.....	14
Điều 16. Số tiền bảo hiểm và Giá trị bảo hiểm của xe tham gia bảo hiểm.....	16
Điều 17. Bồi thường.....	16
Điều 18. Mức khấu trừ, nguyên tắc áp dụng giảm trừ bồi thường và mức khấu trừ.....	17
Điều 19. Các điều khoản bổ sung khác.....	18



PHẦN A. ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trừ trường hợp có quy định rõ ràng khác đi, trong Quy tắc này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Chủ xe** là cá nhân, tổ chức sở hữu Xe ô tô (bao gồm cả trường hợp chủ sở hữu xe đã có hợp đồng mua bán xe và đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật nhưng chưa làm thủ tục đăng ký xe theo quy định) hoặc cá nhân, tổ chức được giao chiếm hữu, sử dụng Xe ô tô hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. **PTI hoặc Doanh nghiệp bảo hiểm** là Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và/hoặc các Công ty/Chi nhánh trực thuộc.
3. **Bên mua bảo hiểm** là cá nhân, tổ chức giao kết hợp đồng bảo hiểm với PTI và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể là Chủ xe hoặc không phải Chủ xe (người mua bảo hiểm cho xe thuộc sở hữu của người khác) nhưng phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với Xe ô tô được bảo hiểm.
4. **Người được bảo hiểm** là cá nhân, tổ chức có thông tin được ghi nhận/quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
5. **Lái xe** là người điều khiển Xe ô tô tại thời điểm xảy ra tổn thất với sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm.
6. **Xe ô tô hoặc Xe** là các loại xe cơ giới được PTI bảo hiểm và được ghi nhận/quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Xe ô tô, Rơ moóc, Sơ mi rơ moóc, Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ.
7. **Giá thị trường** là giá trị thực tế của xe được xác định như sau:
 - Đối với xe mới 100%: Giá thị trường của xe là giá bán xe do các Hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - Đối với xe đã qua sử dụng: Giá thị trường của xe là giá mua bán trung bình trên thị trường của xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất (maker), cùng mẫu xe (model), cùng thông số kỹ thuật, cùng thời gian sử dụng/số kilomet lăn bánh được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm cần xác định.
8. **Giá trị bảo hiểm** là giá trị thực tế của Xe do Bên mua bảo hiểm thỏa thuận với PTI và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.
9. **Số tiền bảo hiểm** là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu PTI bảo hiểm và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
10. **Thời gian sử dụng xe:**
 - Đối với xe sản xuất trong nước và xe nhập khẩu mới 100%: là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp không xác định được tháng đăng ký lần đầu, thời gian sử dụng xe sẽ được tính từ tháng sáu của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm;

- Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng: thời gian sử dụng xe sẽ được tính từ tháng sáu của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

11. **Trọng tải** là khối lượng hàng hóa chuyên chở (CC) theo thiết kế/cho phép tham gia giao thông (TK/CPTGGT) hoặc khối lượng theo thiết kế cho phép tham gia giao thông quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ.

12. **Điều khoản loại trừ bảo hiểm** là điều khoản quy định các trường hợp PTI không phải bồi thường bảo hiểm.

13. **Mức khấu trừ** là số tiền mà Người được bảo hiểm phải tự chịu đối với mỗi vụ tổn thất có thể được bồi thường theo Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm. Mức khấu trừ được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm sẽ được trừ vào số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

14. **Phí bảo hiểm** là khoản tiền Bên mua bảo hiểm phải thanh toán cho PTI theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật và được quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

15. **Giấy yêu cầu bảo hiểm** là văn bản (theo mẫu biểu của PTI) mà Bên mua bảo hiểm sử dụng để ghi rõ các yêu cầu bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm được lập bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử nhằm thiết lập Bộ hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không ký vào Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc không gửi Giấy yêu cầu bảo hiểm bằng văn bản cho PTI nhưng đã nộp phí bảo hiểm thì được coi là Bên mua bảo hiểm đã đồng ý với thông tin ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm đã được PTI cấp.

16. **Giấy chứng nhận bảo hiểm** là văn bản xác nhận trách nhiệm bảo hiểm của PTI với Người được bảo hiểm theo phạm vi bảo hiểm, điều khoản được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm có thể được cấp bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

17. **Sửa đổi bổ sung (viết tắt là SĐBS)** là văn bản do PTI cấp cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm xác nhận các thay đổi về nội dung của Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm đã cấp trước đó trên cơ sở chấp thuận các yêu cầu điều chỉnh Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm.

18. **Các điều khoản bổ sung:** là các điều khoản mở rộng hoặc giảm bớt phạm vi bảo hiểm được Quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 2. Đối tượng bảo hiểm

Đối tượng bảo hiểm của Quy tắc này là **Xe ô tô** tham gia bảo hiểm tại PTI, được ghi nhận trên Giấy chứng nhận/Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm Xe ô tô là sự thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và PTI, theo đó Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ phí bảo hiểm, PTI phải bồi thường theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm. Hợp đồng phải được lập thành văn bản và được cấu thành bởi các tài liệu sau:

- Giấy yêu cầu bảo hiểm;

- Văn bản hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- Quy tắc bảo hiểm;
- Các điều khoản bổ sung (nếu có);
- Sửa đổi bổ sung (nếu có).

Các tài liệu cấu thành Hợp đồng bảo hiểm được xem xét đồng thời khi xác định sự kiện bảo hiểm và xem xét phạm vi bảo hiểm.

Điều 4. Thời hạn bảo hiểm

4.1. Thời hạn bảo hiểm là khoảng thời gian phát sinh hiệu lực bảo hiểm trong đó thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn bảo hiểm được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

4.2. Hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã thanh toán đầy đủ, đúng hạn phí bảo hiểm quy định tại Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, trừ trường hợp PTI có thỏa thuận khác bằng văn bản với Bên mua bảo hiểm về kéo dài thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

4.3. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không thanh toán đủ phí bảo hiểm trong thời hạn quy định và không có bất kỳ thỏa thuận bằng văn bản về kéo dài thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt.

Điều 5. Chuyển quyền sở hữu

Trong thời hạn còn hiệu lực ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu Xe ô tô thì mọi quyền lợi bảo hiểm liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm của Chủ xe cũ cũng được chuyển giao cùng với việc chuyển quyền sở hữu xe ô tô và có hiệu lực đối với Chủ xe mới, trừ trường hợp Chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời điểm chuyển giao quyền sở hữu xe.

Điều 6. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

6.1. Hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt kể từ thời điểm kết thúc thời hạn thanh toán phí trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán đã thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm. Trong trường hợp này, Hợp đồng bảo hiểm tự động chấm dứt mà PTI không phải gửi bất cứ thông báo nào đến Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm về việc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm này.

Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền phí bảo hiểm chưa thanh toán tương ứng với thời gian xe đã được bảo hiểm tính đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt, PTI sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) hoặc yêu cầu Bên mua bảo hiểm thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. PTI không hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

6.2. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm

6.2.1. Trong thời hạn bảo hiểm, trừ trường hợp Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo

hiểm tự động chấm dứt do Bên mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên còn lại, trong đó xác định rõ thời điểm chấm dứt của Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm. Nếu văn bản thông báo không xác định rõ thời điểm chấm dứt của Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm sẽ chấm dứt vào ngày bên được thông báo nhận được văn bản thông báo đó.

6.2.2. Trường hợp Bên mua bảo hiểm đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho PTI, trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên mua bảo hiểm, PTI phải hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm bảy mươi phần trăm (70%) phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn. PTI không hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Đối với Hợp đồng bảo hiểm cho nhóm xe, việc hoàn phí được xem xét theo từng xe, trường hợp xe thuộc hợp đồng nhóm chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm/chưa phát sinh trách nhiệm bồi thường thì được áp dụng hoàn phí theo quy định tại điểm 6.2.2 này.

6.2.3. Trường hợp PTI đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày PTI thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm, PTI sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

7.1. Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có quyền

7.1.1. Yêu cầu PTI giải thích rõ ràng, đầy đủ về Quy tắc bảo hiểm này, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, giới hạn trách nhiệm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm;

7.1.2. Yêu cầu PTI bồi thường theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

7.1.3. Lựa chọn tham gia thêm các Điều khoản bổ sung để mở rộng và/hoặc thu hẹp phạm vi bảo hiểm khi mua bảo hiểm xe ô tô theo thỏa thuận với PTI tại Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm;

7.1.4. Chuyển giao hợp đồng bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật;

7.1.5. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm (Bao gồm: thay đổi mục đích sử dụng, thay đổi kết cấu xe/hoán cải/nâng cấp) dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu PTI giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp PTI không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 6 của Quy tắc này;

7.1.6. Các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

7.2. Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có nghĩa vụ

7.2.1. Khi yêu cầu bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm phải đọc và yêu cầu PTI giải thích (nếu cần) để hiểu rõ Quy tắc bảo hiểm;

7.2.2. Khi yêu cầu bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm phải kê khai đầy đủ và trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của PTI và cung cấp đầy đủ thông tin về xe được bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm;

7.2.3. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác (nếu có);

7.2.4. Cung cấp thông tin về tình trạng xe một cách trung thực, chính xác và tạo điều kiện thuận lợi để PTI xem xét tình trạng xe trước khi ký kết Hợp đồng bảo hiểm;

7.2.5. Trong thời hạn bảo hiểm, trường hợp có sự thay đổi các thông tin liên quan đến xe được bảo hiểm, mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những làm thay đổi yếu tố làm cơ sở tính phí bảo hiểm (bao gồm: thay đổi mục đích sử dụng, thay đổi kết cấu xe/hoán cải/nâng cấp), Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm phải thông báo cho PTI chậm nhất trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó;

7.2.6. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật;

7.2.7. Khi xảy ra tổn thất, Người được bảo hiểm và/hoặc Lái xe có trách nhiệm:

a. Tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn, bảo vệ tài sản đồng thời phải thông báo ngay cho PTI theo số điện thoại 1900545475 để phối hợp giải quyết tai nạn (trừ trường hợp bất khả kháng).

b. Trường hợp xảy ra cháy hoặc nổ, Người được bảo hiểm và/hoặc Lái xe phải thông báo ngay cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương gần nhất nơi xảy ra cháy, nổ để phối hợp giải quyết tai nạn (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc được sự đồng ý của PTI).

c. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ trường hợp bất khả kháng), Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, Lái xe phải gửi cho PTI thông báo tai nạn bằng văn bản (theo mẫu của PTI cung cấp);

d. Lái xe không được tự ý di chuyển/rời khỏi hiện trường (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);

e. Không được tự ý di chuyển hoặc tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của PTI, trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

f. Phối hợp, hợp tác với PTI trong quá trình giám định/xác minh hiện trường và ký và/hoặc có ý kiến trong biên bản hiện trường do PTI lập trong mọi trường hợp (trường hợp không đồng ý nội dung biên bản có thể ghi rõ ý kiến không đồng ý nội dung gì và ký tên dưới ý kiến). Các trường hợp được coi là không phối hợp, hợp tác:

- Người được bảo hiểm/Lái xe không ký biên bản giám định/xác minh hiện trường do

7


PTI lập với mục đích xác định phạm vi và trách nhiệm bảo hiểm;

- Người được bảo hiểm/Lái xe không cung cấp thông tin, tài liệu và/hoặc không thực hiện công việc cần thiết theo yêu cầu của PTI với mục đích xác định phạm vi và trách nhiệm bảo hiểm trong vụ tai nạn;

- Lái xe không thực hiện yêu cầu xét nghiệm nồng độ cồn hoặc chất kích thích khác bị cấm đối với Lái xe tại cơ quan y tế/chức năng theo yêu cầu của PTI;

7.2.8. Trung thực trong việc kê khai thông tin liên quan đến sự cố; thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho PTI trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó;

7.2.9. Cam kết thanh toán chi phí tháo dỡ và sửa chữa đối với các tổn thất không thuộc phạm vi bảo hiểm;

7.2.10. Trường hợp mất Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc cần cấp đổi Giấy chứng nhận bảo hiểm phải thông báo cho PTI để được hướng dẫn;

7.2.11. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba, Người được bảo hiểm phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của PTI để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển giao quyền đòi bồi thường cho PTI đối với Người thứ ba kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với PTI để đòi người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được PTI bồi thường;

7.2.12. Đối với các bộ phận bị thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được PTI chấp thuận bồi thường, Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho PTI;

7.2.13. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp bảo hiểm

8.1. Quyền của Doanh nghiệp bảo hiểm

8.1.1. Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc các thoả thuận khác bằng văn bản;

8.1.2. Kiểm tra, đánh giá tình trạng xe, yêu cầu Bên mua bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến tình trạng xe, việc giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm;

8.1.3. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, Lái xe cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm bao gồm nhưng không giới hạn ở các thông tin liên quan đến tình trạng xe, hành trình, diễn biến của vụ tổn thất, các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường;

8.1.4. Trường hợp có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm: PTI có quyền tính lại phí bảo hiểm hoặc không chấp thuận bảo hiểm khi rủi ro tăng lên cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm kể từ thời điểm có sự thay đổi. Trường hợp Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì PTI có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 6 của Quy tắc này;

8.1.5. Từ chối bồi thường trong trường hợp tổn thất không thuộc phạm vi trách nhiệm

8.1.5. Từ chối bồi thường trong trường hợp tổn thất không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp thuộc điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc này và/hoặc thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc các thỏa thuận khác bằng văn bản;

8.1.6. Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền mà PTI đã hoặc sẽ phải bồi thường cho Người được bảo hiểm trong trường hợp Người thứ ba có trách nhiệm bồi thường do hành vi gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm;

8.1.7. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm và Quy tắc này;

8.1.8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8.2. Nghĩa vụ của Doanh nghiệp bảo hiểm

8.2.1. Cung cấp cho Bên mua bảo hiểm Hợp đồng bảo hiểm gồm: Giấy yêu cầu bảo hiểm, Văn bản hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, các Điều khoản bổ sung (nếu có), Sửa đổi bổ sung (nếu có) sau khi giao kết;

8.2.2. Giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Bên mua bảo hiểm về Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;

8.2.3. Cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật có liên quan;

8.2.4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; trong trường hợp PTI phải tiến hành xác minh hồ sơ thì thời hạn này được kéo dài nhưng không quá ba mươi (30) ngày làm việc. Trường hợp PTI không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền;

8.2.5. Sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày PTI có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì PTI phải chủ động xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng từ thu thập được;

8.2.6. Trường hợp từ chối bồi thường, PTI phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày PTI nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ; trong trường hợp PTI phải tiến hành xác minh hồ sơ thì thời hạn này được kéo dài nhưng không quá ba mươi (30) ngày làm việc;

8.2.7. Phối hợp chặt chẽ với Người được bảo hiểm và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất;

8.2.8. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, PTI sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm thì có thể tạm ứng một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất;

8.2.9. PTI có trách nhiệm hướng dẫn Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 10 Quy tắc này;

8.2.10. PTI có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm trong trường hợp có sự thay đổi những yếu tố làm thay đổi cơ sở để tính phí bảo hiểm, PTI sẽ đánh giá lại rủi ro, xác định lại phí bảo hiểm và hoàn phí hoặc thu thêm phí bảo hiểm theo tỉ lệ tương ứng với thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm;

8.2.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Giám định tổn thất

9.1. Khi xảy ra tổn thất, PTI hoặc người được PTI ủy quyền sẽ tiến hành giám định thiệt hại về tài sản với sự có mặt của Người được bảo hiểm, Lái xe, các bên liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của Người được bảo hiểm, Lái xe, các bên liên quan hoặc Người đại diện hợp pháp của: Người được bảo hiểm, Lái xe và các bên liên quan. PTI chịu trách nhiệm về chi phí giám định.

9.2. Trường hợp Người được bảo hiểm và PTI không thống nhất về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì có thể thỏa thuận chọn một đơn vị giám định độc lập, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong Hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp các bên không thỏa thuận được việc chọn đơn vị giám định độc lập thì một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền trung cầu đơn vị giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của đơn vị giám định độc lập do Tòa án chỉ định có giá trị bắt buộc đối với các bên.

9.3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập hoặc của đơn vị giám định do Tòa án chỉ định khác với kết luận giám định của PTI, PTI phải trả chi phí giám định. Trường hợp kết luận của giám định độc lập hoặc của đơn vị giám định do tòa án chỉ định trùng với kết luận giám định của PTI, Người được bảo hiểm/Bên mua bảo hiểm phải trả chi phí giám định.

9.4. Trong trường hợp đặc biệt, PTI không thể thực hiện được việc giám định thì PTI có trách nhiệm hướng dẫn Người được bảo hiểm/Lái xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và các tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 10. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

10.1. Tài liệu do Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm cung cấp

10.1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của Người được bảo hiểm (theo mẫu của PTI).

10.1.2. Tài liệu liên quan đến xe, Lái xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có ký tên xác nhận của nhân viên PTI sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:

- a. Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
- b. Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;
- c. Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe

(nếu có);

d. Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).

10.1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại:

a. Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại;

b. Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Người được bảo hiểm đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của PTI;

10.1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải với bên thứ ba (trong trường hợp có hòa giải với bên thứ ba).

10.1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho PTI đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại (Bên thứ ba) cho xe được bảo hiểm mà Người được bảo hiểm đã được PTI nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc đã giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi bên thứ ba).

10.2. Tài liệu do PTI phối hợp với Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm để thu thập

10.2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan Công an trong trường hợp thiệt hại vật chất xe ô tô do nguyên nhân cháy hoặc nổ (trừ trường hợp được PTI chấp thuận không cần hồ sơ này), bao gồm:

a. Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);

b. Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);

c. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);

d. Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);

e. Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);

f. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (nếu có).

10.2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba (trường hợp thiệt hại xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba):

a. Tài liệu liên quan đến lỗi và trách nhiệm của Người thứ ba;

b. Tài liệu liên quan đến việc thế quyền của Người được bảo hiểm.

10.2.3. Biên bản xác định nguyên nhân và diễn biến vụ tai nạn có chữ ký xác nhận của các bên.

10.2.4. Biên bản giám định thiệt hại có chữ ký xác nhận của các bên.

10.2.5. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có) theo yêu cầu của PTI.

Điều 11. Bảo hiểm trùng

11.1. Bảo hiểm trùng là trường hợp cùng một đối tượng bảo hiểm được bảo hiểm cùng phạm vi, thời hạn và sự kiện bảo hiểm theo từ hai hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm trở lên mà tổng số tiền bảo hiểm của các Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận

bảo hiểm lớn hơn giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.

11.2. Việc giải quyết bồi thường đối với trường hợp bảo hiểm trùng được thực hiện theo nguyên tắc sau:

11.2.1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, PTI chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm cấp bồi/ký với PTI trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm đang còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra tổn thất của cùng đối tượng bảo hiểm.

11.2.2. Đối với điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, PTI sẽ giải quyết bồi thường độc lập theo phạm vi Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm đã ký kết.

Điều 12. Giảm trừ bồi thường

12.1. PTI có quyền thực hiện giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

12.1.1. Giảm trừ từ 10% đến 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp:

a) Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm hoặc Lái xe khi bị tổn thất không thông báo ngay cho PTI; hoặc không gửi Thông báo tổn thất bằng văn bản cho PTI trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ trường hợp bất khả kháng);

b) Lái xe tự ý di chuyển khỏi hiện trường (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);

c) Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, Lái xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, không giữ nguyên hiện trường tai nạn (trừ trường hợp phải di chuyển để đảm bảo an toàn cho người và/hoặc tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng);

d) Xe vượt tại khu vực có biển quy định cấm vượt.

12.1.2. Giảm trừ từ 30% đến 50% số tiền bồi thường trong trường hợp:

Người được bảo hiểm, Lái xe tự ý tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của PTI (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

12.1.3. Giảm trừ từ 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

a) Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, Lái xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường. Lái xe không thực hiện yêu cầu xét nghiệm nồng độ cồn hoặc chất kích thích khác bị cấm đối với Lái xe tại cơ quan y tế/chức năng theo yêu cầu của PTI;

b) Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, Lái xe không tạo điều kiện thuận lợi cho PTI trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

12.1.4. Giảm tối đa 100% số tiền bồi thường tương ứng với mức độ lỗi của Người thứ

ba trong trường hợp: (i) Người được bảo hiểm, Lái xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển giao quyền đòi Người thứ ba cho PTI kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết để đòi Người thứ ba; hoặc (ii) không hợp tác với PTI để đòi lại Người thứ ba; hoặc (iii) tự thỏa thuận bồi thường với Người thứ ba không theo hướng dẫn của PTI hoặc khi chưa có ý kiến của PTI;

12.1.5. Giảm trừ số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % trong các trường hợp sau:

a) Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỉ lệ phần trăm (%) chở/kéo theo, cầu quá trọng tải hoặc quá số người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định tại Giấy chứng nhận kiểm định. Không áp dụng giảm trừ bồi thường đối với xe tải chở quá số người quy định;

b) Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỉ lệ phần trăm xe vượt quá tốc độ cho phép (từ trên 20% đến 50%) tại đoạn đường xảy ra tai nạn/sự cố.

12.1.6. Giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí bảo hiểm thực nộp và số phí bảo hiểm phải nộp theo quy định trong trường hợp:

a) Bên mua bảo hiểm kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai dẫn đến PTI tính và thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;

b) Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm không thông báo cho PTI trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (bao gồm: thay đổi mục đích sử dụng, thay đổi kết cấu xe/hoán cải/nâng cấp).

12.2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Trong trường hợp một vụ tổn thất có nhiều hành vi vi phạm thuộc các mục 12.1.1 đến 12.1.5 của Quy tắc bảo hiểm này, PTI sẽ áp dụng mức giảm trừ cao nhất thay vì cộng dồn các mức giảm trừ.

Điều 13. Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, khiếu nại, thời hiệu khởi kiện và giải quyết tranh chấp

13.1. Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường là một (01) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường.

13.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của PTI là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm nhận được Thông báo bồi thường của PTI. Quá thời hạn nêu trên PTI sẽ không giải quyết khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hạn vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hạn khiếu nại.

13.3. Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là ba (03) năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu khởi kiện biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

13.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu các bên không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết.

PHẦN B. ĐIỀU KIỆN CHI TIẾT

Điều 14. Phạm vi bảo hiểm

14.1. PTI chịu trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất đối với xe ô tô được bảo hiểm gây ra bởi rủi ro bất ngờ, không lường trước được, từ một trong các nguyên nhân:

- Cháy có ngọn lửa bùng phát (ngoại trừ cháy là hậu quả của đâm, va);
- Nổ (ngoại trừ nổ là hậu quả của đâm, va);
- Bão, sóng thần, mưa đá;
- Lũ, lụt, triều cường;
- Động đất, sụt lở đất;
- Sét đánh.

14.2. Ngoài ra, PTI còn bồi thường cho Người được bảo hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm mà Người được bảo hiểm đã chi để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của PTI khi xảy ra tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, bao gồm các chi phí sau:

14.2.1. Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm;

14.2.2. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất hoặc theo hướng dẫn của PTI.

Các chi phí trên tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm.

Trong mọi trường hợp, tổng Số tiền bồi thường của PTI (bao gồm các chi phí trên) đối với một sự kiện bảo hiểm không vượt quá Số tiền bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 15. Loại trừ bảo hiểm

PTI không bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

15.1. Thiệt hại xuất phát từ nguyên nhân không thuộc phạm vi bảo hiểm;

15.2. Tại thời điểm xe xảy ra tổn thất, Xe ô tô không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (gọi tắt là Giấy chứng nhận đăng kiểm) hợp lệ hoặc Giấy chứng nhận đăng kiểm không còn hiệu lực;

Điều kiện loại trừ này không áp dụng đối với xe mới 100% và có thời gian chờ thực hiện thủ tục đăng ký lần đầu tiên tại Việt Nam không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bảo hiểm có hiệu lực;

15.3. Thông số kỹ thuật của xe không trùng khớp với thông số ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

15.4. Lái xe không có Giấy phép lái xe/Giấy phép điều khiển xe hợp lệ hoặc Giấy phép lái xe/Giấy phép điều khiển xe không phù hợp đối với loại Xe ô tô bắt buộc phải có Giấy

phép lái xe/Giấy phép điều khiển xe, Giấy phép lái xe/Giấy phép điều khiển xe hết hạn tại thời điểm xảy ra tai nạn; Trường hợp Lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe/Giấy phép điều khiển xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe (Áp dụng khi xe có người điều khiển);

Điều loại trừ này không áp dụng đối với học viên học lái xe trên xe tập lái, thi tuyển lái xe trên xe sát hạch;

15.5. Lái xe trong tình trạng có nồng độ cồn từ 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở trở lên; Lái xe sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của Pháp luật;

15.6. Xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng hoặc không bật thiết bị chiếu sáng theo quy định của pháp luật; điều khiển xe đi vào đường cấm, khu vực cấm; điều khiển xe rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm; điều khiển xe đi vào đường ngược chiều (đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”); Xe dừng, đỗ tại khu vực cấm dừng, cấm đỗ, không được phép dừng/đỗ theo quy định của pháp luật; điều khiển xe vượt đèn đỏ, không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông;

15.7. Xe sử dụng để đua (hợp pháp hoặc bất hợp pháp), xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật, xe chạy thử sau khi sửa chữa;

15.8. Xe chở hàng, chất cháy, chất nổ trái phép theo quy định của pháp luật;

15.9. Thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

15.10. Thiệt hại xảy ra trong những trường hợp: Chiến tranh, khủng bố;

15.11. Xe chở/kéo/cầu quá tải trọng hoặc quá số lượng người theo quy định từ trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe). Xe chạy vượt quá tốc độ từ trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên so với tốc độ cho phép tại đoạn đường xảy ra tai nạn;

15.12. Thiệt hại xe do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử); Tổn thất do ăn mòn bởi hóa chất, ô xi hóa;

15.13. Thiệt hại của động cơ do nước lọt vào trong động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước;

15.14. Thiệt hại riêng của động cơ không do nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm;

15.15. Thiệt hại Pin xe điện (Bộ pin điện động cơ) của xe ô tô điện;

15.16. Thiệt hại riêng của sãm, lốp, bạt phủ thùng xe, nhãn mác, biểu tượng nhà sản xuất, chấn bunn, chụp đầu trục bánh xe, ốc quy không do cùng một nguyên nhân tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm;

15.17. Thiệt hại của các thiết bị, bạt phủ lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không tính các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe như hệ thống báo

động, cảm biến báo lùi, cản trước, cản sau).

15.18. Thiệt hại do đâm, va với phương tiện giao thông, động vật và vật thể khác;

15.19. Hành động cố ý gây thiệt hại của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, Lái xe, và/hoặc những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.

Điều 16. Số tiền bảo hiểm và Giá trị bảo hiểm của xe tham gia bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm với Số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn Giá trị bảo hiểm tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

Điều 17. Bồi thường

17.1. Bồi thường tổn thất bộ phận

17.1.1. PTI có toàn quyền quyết định lựa chọn việc PTI chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho Người được bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm sau khi áp dụng mức giảm trừ, mức khấu trừ (nếu có).

17.1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:

a. Trường hợp Số tiền bảo hiểm thấp hơn Giá trị bảo hiểm, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa Số tiền bảo hiểm và Giá trị bảo hiểm của xe được bảo hiểm;

b. Trường hợp Số tiền bảo hiểm bằng hoặc trên Giá trị bảo hiểm, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới áp dụng theo quy định tại Mục c Điểm 17.1.2 Khoản 17.1 Điều 17 của Quy tắc này;

c. PTI sẽ xác định chi phí hợp lý để thay thế mới bộ phận hư hỏng bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao tính theo tỷ lệ khấu hao được quy định như sau:

Thời gian sử dụng xe	Tỷ lệ khấu hao			
	Xe không kinh doanh		Xe kinh doanh	
	Vật tư, phụ tùng	Bộ pin điện động cơ	Vật tư, phụ tùng	Bộ pin điện động cơ
Dưới 3 năm	0%	0%	0%	10%
Từ 03 năm đến dưới 06 năm	15%	30%	25%	40%
Từ 06 năm đến dưới 10 năm	25%	40%	35%	50%
Từ 10 năm đến 15 năm	35%	50%	45%	60%
Trên 15 năm	50%	60%	60%	70%

- Xe chuyên dùng, xe tải được tính theo đối tượng xe kinh doanh.

- Riêng đối với xe đầu kéo, taxi, xe cho thuê tự lái, xe khách liên tỉnh: Mức tính khấu hao tất cả các bộ phận là 150% so với các mức khấu hao của loại xe kinh doanh.

d. Quy định khác:

- Đối với một số bộ phận như: Săm lốp, ắc quy, bạt phủ (thùng xe tải), lọc gió, lọc dầu, lọc xăng, dầu máy phải tính phần trăm (%) giá trị đã sử dụng tối đa không quá 50% (áp dụng kể cả khi tham gia Điều khoản bổ sung - Bảo hiểm thay thế mới – BS02/PTI-XCG).
- Trường hợp phụ tùng thay thế mới đã được thay thế một lần thì thời gian tính khấu hao tính từ thời điểm thay thế gần nhất đến khi bị tổn thất (Tuy nhiên lần thay thế trước phải là thay thế mới và có đầy đủ chứng từ để chứng minh việc thay thế mới này).
- Tất cả các xe không mua điều khoản bảo hiểm bổ sung thay thế mới hoặc có năm sử dụng trên mười lăm (15) năm đều áp dụng các quy định trên.

17.1.3. PTI bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất.

17.2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

17.2.1. PTI bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thị trường của xe; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thị trường của xe tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất.

17.2.2. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thị trường của xe tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất nhưng tối đa không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm.

17.3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi PTI đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của PTI, cụ thể:

17.3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay thế bộ phận, PTI sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được thay thế mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).

17.3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi PTI đã bồi thường toàn bộ xe thì PTI có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì PTI thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Người được bảo hiểm có nhu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, PTI sẽ giảm số tiền bồi thường tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của PTI.

Điều 18. Mức khấu trừ, nguyên tắc áp dụng giảm trừ bồi thường và mức khấu trừ

18.1. PTI áp dụng mức khấu trừ tối thiểu là năm trăm nghìn (500.000) đồng/vụ. Trường hợp áp dụng mức khấu trừ cao hơn, mức khấu trừ sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

18.2. Nguyên tắc áp dụng giảm trừ bồi thường và khấu trừ: Trường hợp một vụ tổn thất bị đồng thời giảm trừ bồi thường, mức khấu trừ chung và mức khấu trừ riêng theo quy định tại Điều khoản bổ sung thuộc Phụ lục 01 thì thứ tự áp dụng như sau: áp dụng mức khấu trừ riêng của Điều khoản bổ sung trước sau đó áp dụng giảm trừ bồi thường và cuối cùng áp dụng mức khấu trừ chung. Trường hợp cùng một rủi ro hay nguyên nhân tổn thất đã áp dụng mức khấu trừ riêng theo điều khoản bổ sung thì rủi ro hay nguyên nhân tổn thất đó sẽ không bị áp dụng mức khấu trừ chung.

Điều 19. Các điều khoản bổ sung khác.

Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có thể lựa chọn tham gia thêm một hoặc nhiều Điều khoản bổ sung và nộp phụ phí bảo hiểm (nếu có) để được tăng thêm hoặc giảm bớt quyền lợi bảo hiểm.

Điều khoản bổ sung chỉ áp dụng khi xe có tham gia bảo hiểm vật chất Xe ô tô theo Quy tắc bảo hiểm này đồng thời Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm phải kê khai đầy đủ nội dung yêu cầu bổ sung vào Giấy yêu cầu bảo hiểm để PTI làm cơ sở tính phí bảo hiểm và bồi thường.

TỔNG CÔNG TY CP BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG

NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM



Lưu Phương Lan

